

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 267/2026/DS-ST
Ngày: 21/7/2026.
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phúc;
2. Ông Trần Văn Lĩnh.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 473/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2026 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Ngọc L**, sinh năm 1996; (có mặt)
Địa chỉ: **Ấp L, xã N, tỉnh Đồng Tháp**.
- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1975; (có mặt)
Địa chỉ: **Ấp L, xã N, tỉnh Đồng Tháp**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 07/5/2026 và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn chị **Bùi Thị Ngọc L** trình bày:

Tôi là đầu thảo hụi, ông **Nguyễn Văn N** có tham gia chơi nhiều dây hụi của tôi, cụ thể như sau:

1/ Hụi khai ngày 01/12/2023 (âm lịch): Hụi 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), 01 tháng khai một lần, hụi có 23 phần, ông **N** tham gia chơi 02 phần, tên hụi viên là "A. **N**". Ông **N** hốt hết 02 phần hụi và đã nhận đủ tiền. Sau khi hốt hết 02 phần hụi ông **N** có đóng tiền hụi chết cho tôi được 20 lần thì không đóng nữa. Nay dây hụi kết thúc (mãn hụi), như vậy ông **N** phải đóng tiền hụi chết lại cho tôi 3 lần là: $03 \text{ lần} \times 3.000.000\text{đ} \times 02 \text{ phần} = 18.000.000 \text{ đồng}$.

2/ Hụi khai ngày 10/5/2024 (âm lịch):

a/ Hụi 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), 01 tháng khai một lần, hụi có 23 phần, ông **N** tham gia chơi 01 phần, tên hụi viên là "Anh Ngọc". Ông **N** hốt hụi và đã nhận đủ tiền.

Sau khi hốt hụi ông N đóng hụi chết cho tôi được 15 lần thì không đóng nữa. Nay đây hụi kết thúc (mãn hụi), như vậy ông N phải đóng tiền hụi chết lại cho tôi 8 lần là 8.000.000đ.

b/ Hụi 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), 01 tháng khui một lần, hụi có 21 phần, ông N tham gia chơi 01 phần, tên hụi viên là "A. N". Ông N hốt hụi và đã nhận đủ tiền. Sau khi hốt phần hụi ông N có đóng tiền hụi chết cho tôi được 15 lần thì không đóng nữa. Đây hụi này ông N còn nợ 06 kỳ là 6.000.000đ.

3/ Hụi khui ngày 15/8/2024 (âm lịch): Hụi 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), 01 tháng khui một lần, hụi có 25 phần, ông N tham gia chơi 02 phần, tên hụi viên là "Anh Ngọc + Chị Hai T", tuy nhiên ông N thừa nhận chỉ một mình ông N tham gia đây hụi này. Ông N hốt hết 02 phần hụi và đã nhận đủ tiền. Sau khi hốt hết hụi ông N có đóng tiền hụi chết cho tôi được 12 lần thì không đóng nữa. Hiện đây hụi này đã mãn, như vậy ông N phải đóng tiền hụi chết lại cho tôi $13 \text{ lần} \times 3.000.000\text{đ} \times 02 \text{ phần} = 78.000.000 \text{ đồng}$.

4/ Hụi khui ngày 05/11/2024 (âm lịch): Hụi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), 01 tháng khui một lần, hụi có 23 phần, ông N tham gia chơi 01 phần, tên hụi viên là "A. N". Ông N hốt hụi và đã nhận đủ tiền. Sau khi hốt hụi ông N có đóng tiền hụi chết cho tôi được 9 lần thì không đóng nữa. Như vậy ông N phải đóng tiền hụi chết lại cho tôi $14 \text{ lần} \times 2.000.000\text{đ} \times 01 \text{ phần} = 28.000.000 \text{ đồng}$.

5/ Hụi khui ngày 05/02/2025 (âm lịch): Hụi 3.000.000 đồng, có 25 phần, 01 tháng khui một lần, ông N tham gia chơi 02 phần, tên hụi viên là "Anh Ngọc". Ông N đã hốt hết 02 phần hụi và đã nhận đủ tiền. Sau khi hốt hụi ông N có đóng tiền hụi chết cho tôi được 6 lần thì không đóng nữa. Như vậy ông N phải đóng tiền hụi chết lại cho tôi là: $19 \text{ lần} \times 3.000.000\text{đ} \times 02 \text{ phần} = 114.000.000 \text{ đồng}$.

6/ Hụi khui ngày 20/6/2025 (âm lịch): Hụi 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), 01 tháng khui một lần, hụi có 22 phần, ông N tham gia 01 phần, tên trong giấy hụi là "Anh Ngọc". Đây hụi này ông N đã hốt hụi và nhận đủ tiền. Sau khi hốt ông N không đóng tiền hụi chết cho tôi. Đây hụi này ông N thiếu 21 phần hụi chết $\times 5.000.000\text{đ} \times 01 \text{ phần} = 105.000.000\text{đ}$.

7/ Ngoài ra, trong đây hụi này ông N còn mua của tôi thêm 01 phần hụi vào ngày 20/8/2025 (kỳ khui hụi thứ 4), cùng ngày ông N đã hốt hụi. Nhưng kể từ khi hốt hụi ông N không có đóng hụi chết cho tôi lần nào. Như vậy ông N phải đóng tiền hụi chết lại cho tôi $18 \text{ lần} \times 5.000.000\text{đ} \times 01 \text{ phần} = 90.000.000\text{đ}$.

Cùng ngày ông N có nhờ tôi trả tiền phần hụi chết thay cho ông N, do không đủ tiền trả tôi đã bù vào số tiền còn thiếu là 600.000đ. Như vậy, tổng tiền ông N còn phải đóng cho tôi là 447.600.000 đồng, sau đó ông N có trả được 48.000.000đ, nên còn nợ lại tôi số tiền là 399.600.000đ. Nay tôi yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải trả cho tôi toàn bộ số tiền hụi chết còn nợ là: 399.600.000 đồng, yêu cầu trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai, lời trình bày tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Tôi thống nhất có tham gia góp 07 đây hụi do chị Bùi Thị Ngọc L làm đầu thảo được tổ chức từ năm 2023 đến nay là đúng. Về số tiền hụi, số hụi viên tham gia, số lần góp hụi của từng đây hụi như chị L trình bày tôi đều thống nhất. Tên trong giấy hụi ghi "Anh Ngọc", "A. N", "Anh N + chị hai T" đều là tên của tôi là đúng. Cả 07 đây hụi này tôi là người tham gia góp hụi trực tiếp với chị L, nguồn tiền đóng hụi là của một mình tôi, không ai đóng thay hay chơi hụi thay cho ai, hiện 07 đây hụi này tôi đã hốt hết, chị L có giao tiền

hết hạn cho tôi đầy đủ. Nhưng do làm ăn thất bại nên tôi không có khả năng đóng hạn chết đầy đủ lại cho chị L. Nay tôi đồng ý trả cho chị L số tiền hạn của 07 dây hạn (bao gồm 03 dây hạn đã mãn và 04 dây hạn chưa mãn) tổng cộng là 399.600.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên tôi không có khả năng trả tiền cho chị L làm một lần, tôi xin trả dần số tiền 399.600.000 đồng cho chị L, cụ thể đến tháng 11/2026 tôi sẽ bắt đầu trả cho chị L mỗi tháng từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tôi đang kêu bán đất nếu bán được tôi sẽ trả hết nợ cho chị L.

* Nguyên đơn chị L không đồng ý cho ông N trả dần, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tranh chấp “Hợp đồng góp hạn” theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự; Bị đơn có nơi cư trú tại ấp L, xã N, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Luật số: 85/2025/QH15 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc L yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải trả số tiền nợ hạn tổng cộng là 399.600.000đ (bao gồm tiền hạn chết đã quá kỳ đóng và tiền hạn chết chưa tới kỳ đóng hạn), yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật; Bị đơn ông Nguyễn Văn N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị L, nhưng xin được trả dần số tiền nợ hạn do không có khả năng trả nợ một lần.

Xét thấy, chị Bùi Thị Ngọc L là chủ hạn, ông Nguyễn Văn N là hạn viên có tham gia góp hạn 07 dây hạn do chị L làm chủ hạn. Trong đó có 03 dây hạn đã mãn gồm: hạn 3.000.000đ khai ngày 01/12/2023 âm lịch; 02 dây hạn 1.000.000đ khai ngày 10/5/2024 âm lịch; Và dây hạn 3.000.000đ, khai ngày 15/8/2024 âm lịch. Bốn dây hạn chưa mãn gồm: Hạn 2.000.000đ khai ngày 05/11/2024 âm lịch; Hạn 3.000.000đ khai ngày 05/02/2025 âm lịch; Hạn 5.000.000đ khai ngày 20/6/2025 âm lịch và 01 phần hạn mua lại cũng nằm trong dây hạn khai ngày 20/6/2025 âm lịch này. Thấy rằng trong 07 dây hạn chị L khởi kiện, có 03 dây hạn đã mãn, chị L đã giao đủ số tiền hết hạn và đứng ra choàng hạn cho ông N là đã làm đúng nghĩa vụ của chủ hạn đối với hạn viên phù hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 nghị định của Chính phủ về hộ, hạn, biên, phường. Còn phía ông N sau khi hết hạn, chưa đóng đủ các kỳ nợ hạn cho chủ hạn là vi phạm nghĩa vụ của hạn viên được quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 nghị định của Chính phủ về hộ, hạn, biên, phường. Đối với 04 dây hạn chưa mãn, ông N vi phạm nghĩa vụ đóng một số kỳ hạn đã tới kỳ đóng hạn và chưa vi phạm một số kỳ hạn chưa tới kỳ khai hạn và đóng hạn. Tuy nhiên, do ông N nhận thấy bản thân đã vi phạm nghĩa vụ của hạn viên đối với chị L, nên ông N đồng ý đóng luôn những kỳ hạn chưa tới kỳ đóng (do hạn chưa khai, chưa mãn) cho chị L. Xét thấy, đây là

sự tự nguyện của ông **N**, nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến tự nguyện của ông **N** về đóng kỳ hạn chưa tới hạn đối với các dây hạn chưa mãn chưa tới kỳ đóng này của ông **N**.

Nhận thấy rằng, chị **L**, ông **N** cùng thống nhất được số dây hạn, số phần hạn tham gia, số tiền nợ hạn ông **N** còn nợ lại và đồng ý trả theo yêu cầu của chị **L**. Tuy nhiên chưa thống nhất được việc trả nợ một lần hay thực hiện trả nợ dần đối với số tiền hạn trên.

Tại phiên tòa, ông **N** trình bày do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, bản thân ông đang bị bệnh, phải nuôi mẹ già nên không có điều kiện để trả tiền một lần cho chị **L** số tiền 399.600.000đ, nên xin được trả dần mỗi tháng từ 20.000.000đ thời gian thực hiện trả dần kể từ tháng 11/2026. Đối với yêu cầu xin trả nợ dần của ông **N** không được phía chị **L** đồng ý nên Hội đồng xét xử không thể ghi nhận, cần buộc ông **N** trả cho chị **L** số tiền nợ hạn 399.600.000đ ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, xét việc ông **N** đã vi phạm nghĩa vụ của hạn viên đối với chủ hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 nghị định của Chính phủ về hộ, hạn, biên, phường, nên yêu cầu khởi kiện của chị **L** là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Cần buộc ông **N** trả cho chị **L** số tiền nợ hạn của 07 dây hạn là 399.600.000đ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị **L** được chấp nhận nên ông **N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên ông **N** có đơn xin giảm án phí, lệ phí Tòa án do có hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, được địa phương xác nhận, nên được giảm 50% án phí theo quy định tại Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 471, 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 nghị định của Chính phủ về hộ, hạn, biên, phường; Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật số: 85/2025/QH15 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Bùi Thị Ngọc L**.

Buộc ông **Nguyễn Văn N** có nghĩa vụ trả cho chị **Bùi Thị Ngọc L** số tiền nợ hạn của 07 dây hạn khai ngày 01/12/2023, 10/5/2024, 15/8/2024, 05/11/2024, 05/02/2025, 20/6/2025 âm lịch tổng cộng là 399.600.000đ (Ba trăm chín mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày chị **Bùi Thị Ngọc L** có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông **Nguyễn Văn N** chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Về án phí:

- Ông **Nguyễn Văn N** phải chịu 9.990.000đ án phí dân sự sơ thẩm (đã giảm 50% án phí).

- Hoàn lại cho chị **Bùi Thị Ngọc L** số tiền 9.990.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007868, ngày 03/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 36 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV4 - ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XỬ XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Kim Thoa